

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HC-PT

Ngày 21 - 11 - 2018

V/v khiếu kiện hành vi hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hiền

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thành Long

Bà Vũ Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thế Vụ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 03/2018/TLPT-HC ngày 27 tháng 8 năm 2018 về “Khiếu kiện hành vi không hành động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên”;

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2018/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2018/QĐPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2018/QĐPT-HC ngày 22/10/2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Đỗ Thị Đ1, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Xóm đường B, thôn Đ2, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên "có đơn xin xét xử vắng mặt".

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 chức vụ: Chủ tịch UBND xã Đ;

Địa chỉ: Xóm T, thôn Đ N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2016; bản tự khai, bản tự khai bổ sung ngày 10 tháng 04 năm 2018 của bà Đỗ Thị Đ1 trình bày như sau:

Ngày 05/12/2011, bà Đ1 có đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với hành vi hành chính và quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện K và UBND xã Đ liên quan đến diện tích ao của gia đình bà đã tăng gia sản xuất, sử dụng ổn định lâu dài không có tranh chấp từ những năm 1957 cho đến nay tại thửa đất số 387, tờ bản đồ số 8, đo vẽ năm 1993 diện tích đất 231m² tại xóm đường B, thôn Đ2, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (vụ án này hiện nay Tòa án nhân dân huyện K vẫn đang thụ lý và tạm đình chỉ giải quyết vụ án).

Tại đơn khởi kiện ngày 11/7/2017 của bà Đỗ Thị Đ1 khởi kiện Chủ tịch UBND xã Đ ông Nguyễn Văn C về hành vi không hành động đó là hành vi không nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và không thực hiện nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi lấn chiếm đất xây dựng cầu, tường bao, cổng, trồng cây và làm sân của gia đình bà Đỗ Thị N thực hiện từ tháng 10/2015 cho đến tháng 12/2016 trên diện tích đất ao lấn chiếm của gia đình bà và bà đã làm đơn đề nghị Chủ tịch UBND xã Đ giải quyết, nhưng Chủ tịch UBND xã không tiếp nhận đơn thư khiếu nại, không tiến hành giải quyết khiếu nại, không ra quyết định xử lý hành chính về hành vi vi phạm quy định về việc sử dụng đất.

Cụ thể đơn đề nghị của bà Đ1 như sau: Vào các ngày 30/10/2015; 17/11/2015; 30/11/2015; 28/12/2015; 25/3/2016; 04/4/2016 bà Đ1 có nộp đơn tố cáo, khiếu nại và đề nghị Chủ tịch UBND xã Đ giải quyết, lập hồ sơ xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm đất, xây dựng cầu qua ao trái phép của gia đình bà mà diện tích đất ao này của gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, từ tháng 10/2015 cho đến tháng 4/2016 ông Nguyễn Văn C - Chủ tịch UBND xã Đ vẫn không giải quyết, không xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi lấn chiếm xây dựng trái phép của gia đình bà N.

Do đó, bà Đ1 khởi kiện vụ án hành chính về hành vi không hành động của Chủ tịch UBND xã Đ, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Tuyên bố các hành vi không hành động của Chủ tịch UBND xã Đ là: Hành vi không nhận, giải quyết đơn tố cáo, khiếu nại và hành vi không thực hiện công vụ, nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với hành vi vi phạm của hộ gia đình bà N và con trai là Giang Văn H.

Buộc Chủ tịch UBND xã Đ phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định như giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo, tiến hành lập hồ sơ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với hành vi lấn chiếm xây dựng trái phép của gia đình bà N và con trai Giang Văn H.

Người bị kiện Chủ tịch UBND xã Đ - ông Nguyễn Văn C theo biên bản lấy lời khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cũng như các tài liệu của người bị kiện cung cấp cho Tòa án, Chủ tịch UBND xã Đ trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Đ1 như sau:

- Về việc bà Đ1 khởi kiện đối với hành vi không hành động của Chủ tịch UBND xã Đ là không có căn cứ, bởi các đơn thư khiếu nại, tố cáo của bà Đ1 đã được UBND xã nhận đơn và mời bà lên giải quyết bằng biên bản làm việc vào hồi 08 giờ 10 phút ngày 27/10/2016 (có biên bản giao cho bà Đ1). Sau khi

UBND xã tiến hành làm việc với gia đình bà Đ1, bà Đ1 lại tiếp tục có đơn khiếu nại nhưng các đơn khiếu nại này có nội dung giống các nội dung đơn khiếu nại mà UBND xã đã tiến hành giải quyết. Vì vậy mà các đơn thư khiếu nại bà Đ1 gửi sau ngày 27/10/2016, UBND xã Đ đã nhận và chuyển đơn đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định.

- Về việc bà Đ1 cho rằng: Chủ tịch UBND xã Đ không thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc không ra quyết định vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của hộ gia đình bà N và con trai là Giang Văn H. Về nội dung này của bà Đ1 khởi kiện là không có căn cứ bởi: Sau khi làm việc bên vi phạm là hộ gia đình bà N đã cam kết là sử dụng đúng với diện tích đất và đã tự nguyện tháo dỡ công trình vi phạm, nên không còn căn cứ để xử phạt vi phạm. Từ những nội dung trình bày trên, Chủ tịch UBND xã Đ ông Nguyễn Văn C khẳng định đã hành động là nhận đơn và giải quyết đơn thư khiếu nại theo quy định. Đối với việc không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai của hộ gia đình bà N và con trai là Giang Văn H thì đối tượng vi phạm để xử lý đã được tháo dỡ và khắc phục, do vậy Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2018/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Áp dụng: Điều 30; Điều 31; Điều 115; Điều 191; Điều 193; Điều 194 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 14; Điều 17; Điều 27 Luật khiếu nại; Điều 11; Điều 13; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31 Luật tố cáo; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Đỗ Thị Đ1 về việc “ông Nguyễn Văn C - Chủ tịch ủy ban nhân dân xã không nhận, giải quyết đơn khiếu nại của bà và không xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép của gia đình bà N”.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, bà Đỗ Thị Đ1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2018/HC-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên với lý do bản án không đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Đỗ Thị Đ1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ1.

Người bị kiện, ông Nguyễn Văn C nhất trí quyết định của bản án sơ thẩm và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Đ1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm thì Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng Hành chính. Người khởi kiện và người bị kiện đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình tham gia tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Bà Đỗ Thị Đ có đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật và nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của Luật tố tụng hành chính là hợp lệ, được xem xét.

Về nội dung kháng cáo: Quyết định của bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Đ1 là có căn cứ, khách quan, vì: Tài liệu trong hồ sơ và lời khai tại Tòa án tỉnh của ông Nguyễn Văn C thể hiện: Sau khi nhận được đơn của bà Đ1, chủ tịch UBND xã Đ đã yêu cầu anh Giang Văn H (con trai bà N) dừng việc xây dựng cầu, yêu cầu tháo dỡ bỏ cầu bắc qua mương nước, viết cam kết, việc xây dựng kè tường bao đã được xem xét, giải quyết nhưng chưa đủ cơ sở pháp lý nên không đưa ra quyết định xử phạt. Sau khi giải quyết đã báo cáo UBND huyện về kết quả giải quyết đơn thư của công dân, tiến hành đo xác định mốc giới của gia đình bà N. Gia đình bà N và anh H đã tháo dỡ công trình vi phạm nên UBND xã không xử phạt vi phạm hành chính đối với bà N và anh H. Đơn của bà Đ1 có nhiều nội dung giống nhau, nên ngày 27/10/2016 Chủ tịch UBND xã mời bà Đ1 đến làm việc và lập biên bản làm việc về việc trả lời đơn thư công dân. Do các đơn có nội dung giống nhau nên Chủ tịch UBND xã không trả lời từng đơn một mà trả lời gộp vào cùng một buổi làm việc. Theo hồ sơ địa chính đang lưu giữ tại xã thì việc xây cầu của gia đình bà N là trên mương nước của tập thể, không phải ao của gia đình bà Đ1 (Trước đó, năm 2011 bà Đ1 đã khởi kiện vụ án hành chính liên quan giải quyết diện tích đất ao của gia đình bà, Tòa án huyện K đã thụ lý, vụ án hiện đang tạm đình chỉ). Sau ngày 27/10/2016 bà Đ1 tiếp tục có đơn về việc xây kè tường bao, trồng cây... UBND xã đã tiến hành xem xét thấy nội dung trùng với các nội dung trước nên đã giải thích cho gia đình bà Đ1 và không ra quyết định xử phạt vì chưa đủ cơ sở pháp lý xác định gia đình bà N có hành vi lấn chiếm đất đai. Mặt khác, từ trước tháng 10/2015 bà Đ1 cũng đã có nhiều đơn đề nghị giải quyết, chính quyền xã đã giải quyết trả lời đơn thư. Việc không giải quyết từng đơn một và xử lý vi phạm hành chính là căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, vi phạm đã được khắc phục. Quan điểm của chính quyền xã là mong muốn các bên hòa giải trên tinh thần đoàn kết, tình làng nghĩa xóm ở địa phương, không nhất thiết phải xử lý, đảm bảo an ninh trật tự, cuộc sống bình yên ở địa phương. UBND xã sẽ tiếp tục theo dõi, quản lý, hòa giải đối với vụ việc. Nếu vi phạm chưa được khắc phục triệt để hoặc tiếp tục vi phạm, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân thì sẽ xem xét xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Chủ tịch UBND xã có quan điểm đối với mô cầu chưa được dỡ bỏ hoàn toàn sẽ yêu cầu, vận động gia đình bà N phá bỏ để giải quyết triệt để, tránh

kiếu kiện kéo dài. Đối với các vi phạm khác sẽ tiếp tục xem xét khi có cơ sở pháp lý sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Như vậy, Chủ tịch UBND xã Đ đã thực hiện việc giải quyết đơn, không lập hồ sơ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính vì hành vi đã được khắc phục, chưa đủ cơ sở pháp lý để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Tuy nhiên, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Chủ tịch UBND xã Đ chưa thực hiện đầy đủ về trình tự, thủ tục, chưa đảm bảo triệt để về hình thức và nội dung dẫn đến người khiếu nại, tố cáo tiếp tục khiếu nại tố cáo. Do vậy, chủ tịch UBND xã cần rút kinh nghiệm như cấp sơ thẩm đã nêu.

Từ các phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2018/HC-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở lời trình bày của người khởi kiện, người bị kiện, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên toà; trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện tài liệu, chứng cứ của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Đỗ Thị Đ1 kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định của pháp luật là hợp pháp, được chấp nhận.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện: Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện cụ thể là: Vào các ngày 30/10/2015; 17/11/2015; 30/11/2015; 28/12/2015; 25/3/2016; 04/4/2016 bà Đ1 có nộp đơn tố cáo, khiếu nại và đề nghị Chủ tịch UBND xã Đ giải quyết, lập hồ sơ xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm đất, xây dựng cầu trái phép của gia đình bà Đỗ Thị N mà diện tích đất ao này của gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có giấy chứng nhận lưu trong hồ sơ). Tuy nhiên, từ tháng 10/2015 cho đến tháng 4/2016, ông Nguyễn Văn C - Chủ tịch UBND xã Đ vẫn không giải quyết, không xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi lấn chiếm xây dựng trái phép của gia đình bà N, được Tòa án nhân dân huyện K đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, yêu cầu khởi kiện của bà Đ1 vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Đ1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các đơn khiếu nại, tố cáo của bà Đỗ Thị Đ1 gửi Chủ tịch UBND xã Đ đề nghị giải quyết đều có liên quan đến tranh chấp đất đai đối với diện tích đất trước cửa gia đình bà Đỗ Thị N tại xóm đường B, thôn Đ2, xã Đ và đã phát sinh từ lâu. Theo đó, bà Đ1 cho rằng phần đất trước cửa nhà bà N là ao của gia đình bà Đ1 vẫn sử dụng từ năm 1957 đến nay, còn trong hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính do UBND xã Đ quản lý theo bản đồ 299, bản đồ 1993 và bản đồ Vlap đo

năm 2009 thì phần đất trước cửa nhà bà N mà bà Đ1 nhận là ao của gia đình bà là không đúng mà đó là phần mương thủy lợi trước đây do Hợp tác xã nông nghiệp quản lý, còn theo Luật đất đai năm 1993 thì đó là phần mương nước của tập thể do UBND xã Đ quản lý; trên các tờ bản đồ 299, 1993 và Vlap 2009 thì có số thửa khác nhau và diện tích qua mỗi lần đo đạc đều có sự thay đổi. Thực tế qua xem xét thẩm định tại chỗ thì thấy phần đất phía trước cửa nhà bà N hiện tại là một đoạn mương thoát nước thải sinh hoạt của khu dân cư thôn Đ2, xã Đ, dưới lòng mương có nhiều cây khoai ngứa, dây rau muống và một số loại thực vật khác mọc tự do; phần đầu ngõ nhà bà N đi ra đường có một cống thoát nước từ khu dân cư chảy vào phần mương nước này và chảy dọc chạy song song đường giao thông liên thôn đi qua thôn Đ2, xã Đ. Kết quả xác minh tại UBND xã Đ, cán bộ địa chính xã, trưởng thôn và phó thôn Đ2 đều xác định đây là mương nước của tập thể để thoát nước các khu ruộng và nước sinh hoạt của khu dân cư phía đông chảy về phía tây thoát qua cống chảy qua đường nhựa để thoát nước đi, chứ đó không phải là ao của gia đình bà Đ1. Trước đây, do gia đình bà Đ1 ở gần đó nên có ra mương nước này trồng khoai, thả bèo chăn nuôi chứ cũng không nuôi trồng thủy sản được. Từ trước đến nay, trong các bản đồ, hồ sơ địa chính do UBND xã Đ1 quản lý thì về mặt phát lý mương nước này chưa bao giờ là của gia đình bà Đ1 và bà Đ1 cũng không có giấy tờ, tài liệu gì để chứng minh đó là ao của gia đình bà Đ1. Thời gian trước đây, từ năm 2010 bà Đ1 cũng đã có nhiều đơn từ khiếu nại, tố cáo về việc gia đình bà N xây bờ tường lấn đất ao của bà Đ1 và đã được UBND xã giải quyết nhiều lần, kể cả đo đạc lại diện tích đất của gia đình bà N đang ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thấy, tường xây giáp mương nước của gia đình bà N được xây trong phần đất của gia đình bà N, không lấn chiếm ra mương nước như đơn tố cáo của bà Đ1. Ngày 15/7/2010 Chủ tịch UBND xã Đ (ôngV - khóa trước) đã có thông báo bằng văn bản trả lời bà Đ1 và xác định diện tích mương nước bà Đ1 cho là ao của mình chính là mương tiêu nước của tập thể. Bà Đ1 có khiếu kiện lên cấp trên và UBND huyện K cũng đã có văn bản giải quyết và bà Đ1 đã có đơn khởi kiện vụ án hành chính về quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện K đã được TAND huyện K thụ lý giải quyết từ năm 2012, nhưng chưa giải quyết dứt điểm, vụ kiện này TAND huyện K vẫn đang tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án.

- Về đơn khởi kiện của bà Đ1 lần này là khởi kiện về hành vi không hành động của Chủ tịch UBND xã Đ với 2 nội dung, đó là: Không giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của bà Đ1 đã gửi các ngày 30/10/2015, 17/11/2015, 30/11/2015, 28/12/2015, 25/3/2016 và 04/4/2016 với nội dung đề nghị Chủ tịch UBND xã Đ giải quyết, lập hồ sơ xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm đất, xây dựng cầu qua ao trái phép của bà N, anh H trên đất ao của gia đình bà Đ1 (mương nước).

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do người bị kiện cung cấp thì: Sau khi nhận được các đơn trên của bà Đ1, do đơn có các nội dung giống nhau nên Chủ tịch UBND xã Đ đã mời bà Đ1 lên làm việc, giải quyết đơn vào hồi 8 giờ

10 phút ngày 02/10/2016 và lập biên bản làm việc giao cho bà Đ1 nhưng bà Đ1 không đồng ý với kết quả giải quyết. Như vậy, Chủ tịch UBND xã Đ đã có hành động tiếp nhận đơn và giải quyết đơn của bà Đ1, nhưng sau khi giải quyết không ban hành văn bản trả lời mà chỉ giao biên bản làm việc là chưa đầy đủ, nhưng đã thể hiện việc Chủ tịch UBND xã Đ đã có hành động nhận đơn, giải quyết đơn của bà Đỗ Thị Đ1.

Đối với khiếu kiện Chủ tịch UBND xã Đ không hành động để xử lý vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất đai của bà N, anh H. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ và kết quả xác minh thì thấy: Năm 2015 gia đình bà N, anh Giang Văn H có xây mô cầu phía ngoài mương nước giáp vào bờ tường bao của gia đình anh H để lao 02 dầm cầu sang đường bê tông liên thôn để mở lối đi từ nhà ra đường liên thôn cho tiện, bà Đ1 đã có đơn khiếu nại, tố cáo gửi Chủ tịch UBND xã Đ và ngày 03/12/2015 ông Nguyễn Văn C - Chủ tịch UBND xã cùng cán bộ chuyên môn của UBND xã đã đến trực tiếp lập biên bản làm việc với anh Giang Văn H (con bà N) dừng ngay việc đặt cầu cống trên phần mương nước khi chưa có kết luận của Tòa án giải quyết việc tranh chấp mương tiêu nước thuộc xóm đường B, thôn Đ2, xã Đ và yêu cầu anh H phải thu dọn 02 thanh dầm bê tông bắc qua mương nước. Ngày 24/3/2016 ông Nguyễn Văn C cùng cán bộ UBND xã Đ chỉ đạo giải quyết lập biên bản yêu cầu anh H di chuyển dầm cầu bắc qua mương tiêu nước và anh H đã tự nguyện tháo dỡ dầm cầu khôi phục lại hiện trạng ban đầu, riêng phần mô cầu thì anh H cũng đã tháo dỡ xuống cách mặt mương nước 50cm và không ảnh hưởng gì đến dòng chảy của mương tiêu nước như hiện trạng đã được xem xét, thẩm định tại chỗ và có sơ đồ, kích thước kèm theo. Do hành vi vi phạm của anh H đã tự nguyện tháo dỡ hai dầm cầu, mô cầu khôi phục lại tình trạng ban đầu của mương tiêu nước, không ảnh hưởng gì đến dòng chảy; đồng thời cũng xuất phát từ phong trào của địa phương, với phương châm hòa giải, thuyết phục là chính, nên Chủ tịch UBND xã Đ không ra quyết định XPVPHC đối với anh H về việc xây mô cầu, lao dầm cầu qua mương tiêu nước của tập thể. Tuy nhiên, với hành động tổ chức nhiều buổi làm việc, lập biên bản của Chủ tịch UBND xã Đ như nêu trên thể hiện việc Chủ tịch UBND xã Đ đã hành động theo chức năng, nhiệm vụ của mình để xử lý việc anh H làm cầu qua mương tiêu nước. Mặt khác, vi phạm của anh Giang Văn H đến nay đã hết thời hiệu để xử phạt vi phạm hành chính, việc bà Đ1 khởi kiện yêu cầu Chủ tịch UBND xã Đ phải hành động để xử phạt vi phạm hành chính về hành vi của anh H là trái luật vì đã hết thời hiệu xử phạt. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn C - Chủ tịch UBND xã Đ cam kết sẽ tiếp tục theo dõi, quản lý, hòa giải đối với vụ việc này. Nếu vi phạm chưa được khắc phục triệt để hoặc tiếp tục có vi phạm, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân thì sẽ xem xét xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Chủ tịch UBND xã Đ có quan điểm đối với phần mô cầu của anh H chưa được dỡ bỏ hoàn toàn, chính quyền địa phương sẽ yêu cầu, vận động gia đình bà N và anh H phá bỏ để giải quyết triệt để, tránh khiếu kiện kéo dài. Đối với các vi phạm khác sẽ tiếp tục xem xét khi có cơ sở pháp lý sẽ xử lý theo quy định của

pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện này của bà Đ1 Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ pháp luật.

Từ các phân tích, đánh giá trên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp thuận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Đ1, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bà Đỗ Thị Đ1 kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 242; khoản 1 Điều 349 của Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà Đỗ Thị Đ1 và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2018/HC-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên như sau:

Áp dụng: Điều 30; Điều 31; Điều 115; Điều 191; Điều 193; Điều 194 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 14; Điều 17; Điều 27 Luật khiếu nại; Điều 11; Điều 13; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31 Luật tố cáo; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Đỗ Thị Đ1 về việc “Chủ tịch ủy ban nhân dân xã Đ không nhận, giải quyết đơn khiếu nại của bà và không xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép của gia đình bà Đỗ Thị N”.

2. Án phí phúc thẩm: Bà Đỗ Thị Đ1 phải chịu 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002403 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hưng Yên (bà Đ1 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm).

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND huyện K;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VP; Tòa HC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Trần Đình Hiền